

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 10 - 2023
V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Ngọc.
- Ông Chung Quốc Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành; tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST- DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2023 và Thông báo dời phiên tòa ngày 18 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T.Ê, xã V.Đ, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T.P, xã P.M, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp cho bị đơn chị Huỳnh Thị P; Luật sư Võ Văn Mạnh, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; theo Giấy ủy quyền do Văn phòng công chứng Đình Xuân Lộc công chứng ngày 23/11/2022.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Đặng Ngọc M, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T.P, xã P.M, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Cháu Đặng Ngọc X, sinh ngày 26/10/2009 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T.P, xã P.M, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

3.3. Cháu Đăng Huỳnh H, sinh ngày 29/4/2012 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T.P, xã P.M, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện là mẹ ruột của các cháu X và cháu H: Chị Huỳnh Thị P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T.P, xã P.M, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp K.M, xã P.M, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

4.2. Anh Nguyễn Thành Th, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.H, xã T.K.H, huyện G.T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2022 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày: Do chỗ quen biết và tin tưởng nên vào ngày 21/12/2021 có cho chị Huỳnh Thị P vay tiền gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để xoay sở trong gia đình; có làm hợp đồng với tiêu đề “Thế chấp tài sản để mượn tiền”. Thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất 12.000.000 đồng/tháng và đóng lãi lần đầu tiên vào ngày 20/01/2022. Để làm tin chị P có giao cho tôi 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 080460, số vào sổ cấp GCN CH00449, do Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành ký cấp ngày 27/7/2010 đứng tên chị P, cháu X và cháu H. Chị Huỳnh Thị P đóng lãi được 03 tháng số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) thì ngưng đóng cho đến nay. Theo nội dung hợp đồng thể hiện: “...bà P cam kết sẽ đóng lãi đúng ngày, nếu trễ quá 30 ngày xem như vi phạm hợp đồng”. Do chị P vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng và tôi đã nhiều lần đến nhà chị P để yêu cầu trả nợ nhưng chị P cố tình lánh mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho tôi.

Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Huỳnh Thị P phải trả cho tôi một lần tiền vay gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm được tính từ thời điểm vay cho đến khi xét xử sơ thẩm. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị P giao cho tôi để làm tin hiện nay tôi đang cất giữ và tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết; khi nào chị P trả cho tôi hết số tiền cả gốc lẫn lãi thì tôi sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị P. Ngoài ra, tôi không còn tranh chấp vấn đề gì khác đối với chị P.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn chị Huỳnh Thị P; Luật sư Võ Văn Mạnh trình bày: Tôi đại diện cho bị đơn chị Huỳnh Thị P hoàn toàn thừa nhận chị P còn nợ chị T vốn vay gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay ngày 21/12/2021. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12.000.000 đồng/tháng và đóng lãi được 03 tháng là 36.000.000 đồng. Do chị P nợ chị T nên chị P phải có nghĩa vụ trả cho chị T số nợ gốc và lãi suất 20%/năm theo như yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, việc chị T yêu cầu trả một lần tiền thì chị P không có khả năng. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 080460, số vào sổ cấp GCN CH00449, do UBND huyện Giang Thành ký cấp ngày 27/7/2010 đứng tên chị P, cháu X và cháu H; tôi yêu cầu chị T trả lại cho chị P. Nếu chị T không đồng ý trả ngay thì đề nghị Tòa ghi nhận trong bản án và để Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang

Thành giải quyết khi bản án có hiệu lực pháp luật; chị P không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, tôi không còn có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Ngọc M trình bày: Tôi chỉ yêu cầu cô T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ tôi là bà Huỳnh Thị P, vì có liên quan đến quyền lợi của các em tôi; tôi không có yêu cầu độc lập. Ngoài ra, tôi không có ý kiến gì thêm.

Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T tranh luận: Tôi chỉ yêu cầu chị P trả nợ vay gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm tính từ ngày nhận nợ cho đến nay.

Đại diện bị đơn Luật sư Võ Văn Mạnh: Không có tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Ngọc M: Không có tranh luận.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích T đối với chị Huỳnh Thị P. Ghi nhận việc chị Huỳnh Thị P còn nợ chị Lê Thị Bích T tiền vay gốc 300.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận 20%/năm.

Buộc chị Huỳnh Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Lê Thị Bích T khởi kiện đối với chị Huỳnh Thị P về đòi nợ tiền vay. Phát sinh tranh chấp trên địa bàn huyện Giang Thành và là nơi bị đơn chị P cư trú, nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Việc tranh chấp sau khi được Tòa án thụ lý giải quyết đã tiến hành các trình tự về thủ tục tố tụng; mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, chị P không hợp tác, cố tình lánh mặt và chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và để đảm bảo quyền tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ; Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự Thông báo kết quả cho chị P và cháu M được rõ. Ngày 30/6/2023 Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử; đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Việc Tòa án có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

[3] Việc người đại diện cho cháu X và cháu H là chị Huỳnh Thị P; anh Nguyễn Thành Th và chị Huỳnh Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Không phải xem xét yêu cầu phản tố, do bị đơn chị P không có yêu cầu.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân và gia đình của chị Huỳnh Thị P: Chồng chị P là anh Đặng Thanh H, sinh năm 1966; chết ngày 28/01/2021. Anh H và chị P có 03 người con là cháu Đặng Ngọc M, Đặng Ngọc X và Đặng Huỳnh H. Do đó, việc đưa các con của anh H và chị P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặt khác, các cháu M, X, H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn chị P, nên không có quyền yêu cầu độc lập được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét việc cho vay thì theo nguyên đơn chị T và đại diện cho chị P là Luật sư Mạnh hoàn toàn thống nhất số nợ gốc mà chị P phải có nghĩa vụ trả cho chị T là 300.000.000 đồng cùng với lãi suất 20%/năm tính từ ngày hợp đồng là ngày 21/12/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 27/10/2023 bằng 01 năm 10 tháng 06 ngày; thành tiền 111.000.000 đồng; khấu trừ lãi đã nhận 36.000.000 đồng và còn phải trả lãi 75.000.000 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi là 375.000.000 đồng. Do các bên đương sự thống nhất nợ gốc và lãi, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Về phương thức trả nợ các bên không thỏa thuận được, nên phải xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 080460, số vào sổ cấp GCN CH00449, do Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành ký cấp ngày 27/7/2010 đứng tên chị P, cháu X và cháu H hiện do chị T đang cất giữ. Chị T không tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết; còn chị P thì không có phản tố yêu cầu trả lại, nên cần ghi nhận ý kiến của hai bên trong việc trao trả cho nhau tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang sau khi chị P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

[7] Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là 18.750.000 đồng ($375.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 18.750.000 \text{đ}$). Trả lại cho chị Lê Thị Bích T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa chị Lê Thị Bích T đối với chị Huỳnh Thị P.

Ghi nhận việc chị Huỳnh Thị P còn nợ chị Lê Thị Bích T tiền vay gốc 300.000.000 đồng và lãi suất phải có nghĩa vụ trả là 75.000.000 đồng; tổng cộng là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Buộc chị Huỳnh Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Bích T tổng số tiền là 375.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng); trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng; tiền lãi 75.000.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc chị Lê Thị Bích T trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 080460, số vào sổ cấp GCN CH00449, do Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành ký cấp ngày 27/7/2010 đứng tên chị Huỳnh Thị P, cháu Đặng Ngọc X và cháu Đặng Huỳnh H tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang sau khi chị Huỳnh Thị P thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho chị T.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị Huỳnh Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 18.750.000 đồng (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Chị Lê Thị Bích T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002658 ngày 19/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Giang Thành;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Vân